

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

Số : 03/BB-ĐHĐCĐ.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 05 năm 2021

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

1. Thời gian và địa điểm:

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3
- Trụ sở chính : 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- Mã số doanh nghiệp : 0400102077
- Thời gian họp: Từ lúc 13 giờ 30 phút đến 15 giờ 45 phút , ngày 06/05/2021
- Địa điểm: Khách sạn Eden Plaza thành phố Đà Nẵng

05 Duy Tân, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

2. Thành phần tham dự phiên họp:

- Về dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 bao gồm:
 - + Ông Nguyễn Văn Khải – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
 - + Ông Trương Thoại Nhân – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
 - + Các ông, bà là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
 - + Các ông, bà là thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
 - + Cùng các ông, bà là cổ đông và người đại diện cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua người đại diện: 26 người ; nắm giữ số cổ phần là 1.578.770 cổ phần tương đương với tỷ lệ 92,62 % tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty.(Danh sách cổ đông và đại diện cổ đông tham dự phiên họp đính kèm theo biên bản này.)

3. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố đã đủ điều kiện tiến hành phiên họp :

Đại hội đồng cổ đông đã nghe ông Nguyễn Thế Nam - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông, trong đó:



Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự - Q.Hải Châu - Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3830202 - Fax: 0236.3822767

Website: <http://www.duoc3.com>
Email: ceteco.us2013@yahoo.com

- Tổng số cổ đông của công ty đã được Ban tổ chức triệu tập theo danh sách cổ đông là 99 cổ đông;
- Số cổ đông tham dự trực tiếp và cử đại diện tham dự: 26 người, nắm giữ số cổ phần là 1.578.770 cổ phần, chiếm tỷ lệ 96,62 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

Căn cứ quy định Luật Doanh nghiệp hiện hành, thay mặt Ban tổ chức Đại hội, Ông Nguyễn Thế Nam, Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tuyên bố phiên họp đủ điều kiện được tiến hành.

4. Bầu Đoàn chủ tọa và Ban Kiểm phiếu :

4.1. Chủ tọa cuộc họp cử thành viên Đoàn chủ tọa

- Ông Nguyễn Văn Khái, Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa cuộc họp
- Ông Nguyễn Văn Khái cử thành viên đoàn chủ tịch gồm :
 - + Ông Trương Thoại Nhân , thành viên HĐQT
 - + Ông Trần Anh Tuấn , thành viên HĐQT

Đại hội đã biểu quyết thông qua thành viên Đoàn chủ tịch với kết quả như sau :

- + Số phiếu biểu quyết tán thành 100 %
- + Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 %
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 %

4.2. Bầu Ban Kiểm phiếu :

Theo đề cử của chủ tọa, Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu gồm :

- Bà Trương Minh Nguyệt – Trưởng ban.
- Bà Võ Lý Hồng Hân
- Ông Phạm Đình Nhật Huy

Kết quả biểu quyết như sau :

- + Số phiếu biểu quyết tán thành 100 %
- + Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 %
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 %

5. Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội :

- Đại hội đã nghe ông Trần Anh Tuấn thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày Chương trình Đại hội.



Kết quả biểu quyết như sau :

- + Số phiếu biểu quyết tán thành 100 %
 - + Số phiếu biểu quyết không tán thành 0%
 - + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 %
- Tiếp đến Đại hội đã nghe ông Trần Anh Tuấn trình bày Quy chế làm việc tại Đại hội.

Kết quả biểu quyết như sau :

- + Số phiếu biểu quyết tán thành 100 %
- + Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 %
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 0 %

6. Những nội dung được trình bày tại cuộc họp

6.1. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty, Tờ trình sửa đổi Quy chế Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT công ty

Ông Nguyễn Văn Khái thay mặt Đoàn chủ tịch đọc tờ trình về việc sửa đổi điều lệ công ty, tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty và tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT công ty.

6.2. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty

Bà Ngô Thị Thu Hiền thay mặt Ban kiểm soát đọc tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

6.3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021

Ông Nguyễn Văn Khái thay mặt cho Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021.

6.4. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Ông Trương Thoại Nhân thay mặt cho Ban điều hành báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

6.5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Minh thay mặt cho Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.



6.6. Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Ông Trương Thoại Nhân đọc tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

6.7. Tờ trình Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 và Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

Ông Trương Thoại Nhân thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 và Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021.

6.8. Tờ trình Báo cáo chi trả thù lao, lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020 và Kế hoạch chi trả thù lao, lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2021

Ông Trương Thoại Nhân thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc báo cáo chi trả thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020 và tờ trình kế hoạch chi trả thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2021.

6.9. Kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Bà Trần Thị Minh thay mặt Ban Kiểm soát đọc tờ trình kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

6.10. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu 01 thành viên HĐQT bổ sung

Ông Nguyễn Văn Khải thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu 01 thành viên HĐQT bổ sung.

6.11. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh và bầu 01 thành viên BKS bổ sung

Ông Nguyễn Văn Khải thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh và bầu 01 thành viên BKS bổ sung.

7. Đại hội thảo luận và biểu quyết sau khi nghe các bản báo cáo và tờ trình**7.1. Đại hội thảo luận:** Đại hội không có ý kiến thảo luận**7.2. Đại hội biểu quyết các nội dung****7.2.1. Sửa đổi Điều lệ Công ty**

Kết quả biểu quyết như sau :



- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.2. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.3. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.4. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và các chỉ tiêu chính năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					So với KH	So với NT
1. Doanh thu thuần	tr.đ	338.317	307.000	264.326	86,1%	78,1%
- Doanh thu hàng sản xuất	tr.đ	62.589	72.000	68.288	94,8%	109,1%
- Doanh thu bán hàng và ủy thác nhập khẩu	tr.đ	275.727	235.000	196.038	83,4%	71,1%



Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					So với KH	So với NT
2. Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	364	700	2.436	348,0%	669,2%
3. Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	159	560	1.720	307,1%	1081,8%
4. Mức chia cổ tức	%	0	3	5	166,7%	-

- Phương hướng hoạt động năm 2021 và một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	So với NT (%)
1	Doanh thu thuần	tr. đồng	290.000	109,7%
	- Doanh thu hàng sản xuất	tr. đồng	80.000	117,2%
	- Doanh thu hàng ủy thác NK	tr. đồng	210.000	107,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	3.500	143,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	2.800	162,8%
4	Mức chia cổ tức	%	5%	100,0%

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.6. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.7. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%



- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.9. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 và Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2021

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.720
2	Chi trả cổ tức: 5%/vốn điều lệ	875
3	Quỹ đầu tư phát triển (trích 30% LNST)	516
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	170
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	159

- Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ so với thực hiện năm 2020
1	Tổng doanh thu thuần	290.000	108 %
2	Lợi nhuận trước thuế	3.500	144%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.800	163%
4	Cổ tức	5%/ vốn điều lệ	100%
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	30% LNST	100%



STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ so với thực hiện năm 2020
6	Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	10% LNST	100%

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.10. Báo cáo mức chi trả thù lao, lương cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và thư ký Công ty năm 2020 và Tờ trình về việc chi trả thù lao, lương năm 2021

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.11. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua tờ trình kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 cùng với lựa chọn đơn vị kiểm toán của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0 %
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

7.2.12. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu 01 thành viên HĐQT bổ sung

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %



7.2.13. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh và bầu 01 thành viên BKS bổ sung

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

8. Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát

8.1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Bà Trương Minh Nguyệt - Trưởng Ban kiểm phiếu đọc và thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kết quả biểu quyết thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0 %
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

8.2. Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

8.2.1. Đề cử và ứng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

- Bà Trương Minh Nguyệt đại diện tổ bầu cử đọc đơn đề cử thành viên HĐQT của Tổng công ty Dược Việt Nam là bà Trần Thị Minh.
- Không có cổ đông nào tự ứng cử

8.2.2. Thông qua danh sách bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

- Bà Trương Minh Nguyệt thay mặt Ban kiểm phiếu thông qua danh sách bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 gồm bà Trần Thị Minh.

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0 %
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

8.2.3. Kết quả bầu cử



Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Tổng số phiếu thu về là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Số phiếu hợp lệ là : 26 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ là : 0 phiếu

Bà Trần Thị Minh đạt 1.578.770 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 100%

Vậy bà Trần Thị Minh đã trúng cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025.

8.3. Bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

8.3.1. Đề cử và ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

- Bà Trương Minh Nguyệt đại diện tổ bầu cử đọc đơn đề cử thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty Dược Việt Nam là ông Nguyễn Thế Nam.
- Không có cổ đông nào tự ứng cử

8.3.2. Thông qua danh sách bầu cử thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

Bà Trương Minh Nguyệt thay mặt Ban kiểm phiếu thông qua danh sách bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 gồm ông Nguyễn Thế Nam.

Kết quả biểu quyết như sau :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0 %
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

8.3.3. Kết quả bầu cử

Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Tổng số phiếu thu về là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Số phiếu hợp lệ là : 26 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ là : 0 phiếu

Ông Nguyễn Thế Nam đạt 1.578.770 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 100%

Vậy Ông Nguyễn Thế Nam đã trúng cử chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.



9. Bế mạc Đại hội

Bà Đồng Huỳnh Khánh Hòa thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Kết quả biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông :

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 100 %
- Số phiếu biểu quyết không tán thành : 0 %
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến : 0 %

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Dược Trung ương 3 kết thúc vào hồi 15 giờ 45 cùng ngày.

BAN THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Đồng Huỳnh Khánh Hòa

Bùi Thị Thu Hằng

Nguyễn Văn Khái



Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự - Q.Hải Châu - Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3830202 - Fax: 0236.3822767

Website: <http://www.duocw3.com>
Email: ceteco.us2013@yahoo.com

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

Số : 04/NQ-ĐHĐCĐ.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 05 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 03/BB-ĐHĐCĐ.2021 được tổ chức ngày 06/05/2021 ;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.

Đại hội đã biểu quyết thông qua việc sửa đổi Điều lệ với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành

Đại hội đã biểu quyết thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 2. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty của Công ty cổ phần Dược trung ương 3.

Đại hội đã biểu quyết thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành.

Đại hội đã biểu quyết thông qua việc ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành, cụ thể như sau:



3.1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và các chỉ tiêu chính năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					So với KH	So với NT
1. Doanh thu thuần	tr.đ	338.317	307.000	264.326	86,1%	78,1%
- Doanh thu hàng sản xuất	tr.đ	62.589	72.000	68.288	94,8%	109,1%
- Doanh thu bán hàng và ủy thác nhập khẩu	tr.đ	275.727	235.000	196.038	83,4%	71,1%
2. Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	364	700	2.436	348,0%	669,2%
3. Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	159	560	1.720	307,1%	1081,8%
4. Mức chia cổ tức	%	0	3	5	166,7%	-

3.2. Phương hướng hoạt động năm 2021 và một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	So với NT (%)
1	Doanh thu thuần	tr. đồng	290.000	109,7%
	- Doanh thu hàng sản xuất	tr. đồng	80.000	117,2%
	- Doanh thu hàng ủy thác NK	tr. đồng	210.000	107,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	3.500	143,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	2.800	162,8%
4	Mức chia cổ tức	%	5%	100,0%

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành với 100% số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 với 100% số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 6. Thông qua tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Đại hội đã biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 với 100% số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 7. Thông qua tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 và Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 và một số chỉ tiêu tài chính năm 2021 với 100% số phiếu biểu quyết tán thành, cụ thể như sau

7.1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.720
2	Chi trả cổ tức: 5%/vốn điều lệ	875
3	Quỹ đầu tư phát triển (trích 30% LNST)	516
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	170
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	159

7.2. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ so với thực hiện năm 2020
1	Tổng doanh thu thuần	290.000	108 %
2	Lợi nhuận trước thuế	3.500	144%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.800	163%
4	Cổ tức	5%/ vốn điều lệ	100%
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	30% LNST	100%
6	Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	10% LNST	100%

Điều 8. Thông qua tờ trình báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua tờ trình báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2021, cụ thể như sau :

- 8.1. Báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020.

Đại hội đã biểu quyết thông qua báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020 với 100% số phiếu biểu quyết tán thành việc chi trả thù lao, lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đã tuân thủ đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

- 8.2. Quyết định mức chi trả thù lao, lương thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2021

- Thù lao, lương thành viên HĐQT, thành viên BKS

TT	Chức danh	Chuyên trách (đồng/người/tháng)	Không chuyên trách (đồng/người/tháng)
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch HĐQT	40.000.000	6.000.000
2	Ủy viên HĐQT		4.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng BKS	15.000.000	4.000.000
2	Thành viên BKS		2.000.000

- Lương Tổng giám đốc : 35.000.000 đồng/ tháng
- Thù lao Thư ký công ty : 2.000.000 đồng/ tháng

Thù lao, lương thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty được trả vào cuối mỗi tháng.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với 100% số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 9. Thông qua tờ trình kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua tờ trình kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 cùng với lựa chọn của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP với 100% phiếu tán thành.

Điều 10. Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu 01 thành viên HĐQT bổ sung

Đại hội đã biểu quyết thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu 01 thành viên HĐQT bổ sung với 100% phiếu tán thành.

Điều 11. Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh và bầu 01 thành viên BKS bổ sung

Đại hội đã biểu quyết thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh và bầu 01 thành viên BKS bổ sung với 100% phiếu tán thành.

Điều 12. Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

Đại hội đã bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị là bà Trần Thị Minh.

Điều 13. Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

Đại hội đã bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát là ông Nguyễn Thế Nam.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Bản nghị quyết này đã được thông qua trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của công ty Cổ phần Dược Trung ương 3, phiên họp ngày 06/05/2021.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký 06/05/2021 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua 100%, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông thi hành nghị quyết này theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Dược trung ương 3.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**CHỦ TỌA****NGUYỄN VĂN KHÁI**

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Địa điểm:** Khách sạn Eden Plaza Đà Nẵng - Số 05 Duy Tân, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- Thời gian:** 13h00 ngày 06/05/2021
- Chương trình họp:**

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1.	12h50	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra thủ tục, phát tài liệu	Ban Tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2.	13h05	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
3.	13h10	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban Tổ chức
4.	13h15	Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	Ban Tổ chức
5.	13h20	Thông qua chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại Đại hội	Đoàn chủ tọa
6.	13h25	Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty	Đoàn chủ tọa
7.	13h45	Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Đoàn chủ tọa
8.	14h00	Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT	Đoàn chủ tọa
9.	14h10	Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của BKS	Ban kiểm soát
10.	14h20	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021	Đoàn chủ tọa
11.	14h30	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021	Tổng giám đốc
12.	14h40	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020	Ban kiểm soát
13.	14h50	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm	Tổng giám đốc

		toán năm 2020	
14.	15h00	Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 & Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021;	Đoàn chủ tọa
15.	15h05	Tờ trình báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và thư ký công ty năm 2020 & Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021	Đoàn chủ tọa
16.	15h10	Tờ trình kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	Ban Kiểm soát
17.	15h15	Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu 01 thành viên HĐQT bổ sung	Đoàn chủ tọa
18.	15h20	Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Trần Thị Minh và bầu 01 thành viên BKS bổ sung	Đoàn chủ tọa
19.	15h25	Thảo luận và biểu quyết thông qua các tờ trình và báo cáo	Đoàn chủ tọa
20.	15h35	Bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát - <i>Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử</i> - <i>Thông qua danh sách các ứng viên bầu vào HĐQT và BKS</i> <i>Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử</i>	Ban kiểm phiếu
21.	16h00	Nghỉ giải lao	
22.	16h20	Công bố kết quả bầu cử và ra mắt thành viên bổ sung HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025	Ban kiểm phiếu
23.	16h25	Thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
24.	16h30	Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành Quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3, nhiệm kỳ 2020-2025)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 43/NQ/2021/HĐQT ngày 14 tháng 04 năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 thông qua.

Các thành viên Ban Tổ chức Đại hội, các thành viên liên quan và các cổ đông tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BKS;
- Lưu Thư ký công ty;

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN KHÁI

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3
(Ban hành kèm Quyết định số 44/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên sử dụng cho việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3, hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết màu hồng và 02 phiếu bầu cử (01 phiếu màu vàng; 01 phiếu màu xanh) trong

đó:

- Thẻ biểu quyết màu hồng (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền)

- Phiếu bầu cử màu vàng để bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Phiếu bầu cử màu xanh để bầu thành viên Ban Kiểm soát

c) Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Tất cả cổ đông đến tham dự đại hội phải ăn mặc chỉnh tề. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa đại hội.

1. Đoàn chủ tịch do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu tại cuộc họp và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua; Chủ tịch đoàn (Chủ tọa Đại hội) là Chủ tịch HĐQT hoặc là người khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, đúng quy định.

- b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- c) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.
- e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Ban tổ chức Đại hội quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật, phát tài liệu đại hội và các Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội.

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
 - Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu.

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người (trong đó có 01 Trưởng ban) do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông/ đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.
 - Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, thông qua danh sách ứng viên

bầu thành viên HĐQT, trình tự bỏ phiếu, hướng dẫn ghi phiếu.

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- Lập biên bản kiểm phiếu, nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Ban Thư ký.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Mọi công việc kiểm tra lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 10. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội (trừ các nội dung phải thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín) đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.
2. Cách thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Kết quả biểu quyết đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được thông báo trước Đại hội và thể hiện tại Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS)

Việc bầu thành viên HDQT và BKS được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HDQT và thành viên BKS.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Quy chế đề cử/ứng cử và bầu cử thành viên HDQT, thành viên BKS.

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
3. Các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sẽ được thể hiện tóm tắt trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện:

1. Quy chế này gồm có 14 Điều do Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 ban hành phù hợp các quy định pháp luật hiện hành và có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 biểu quyết thông qua.
2. Các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Ban Tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN KHÁI

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 43/NQ/2021/HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 về việc chốt thời gian tổ chức, chương trình họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và quyết định về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

(Kèm theo dự thảo Điều lệ)

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2021



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 05 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..3	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....4	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....6	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông..	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....24	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 34. Người điều hành Công ty	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	33
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	34
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	35
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	36
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	41
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 48. Năm tài chính.....	42
Điều 49. Chế độ kế toán	42
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 51. Báo cáo thường niên	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 52. Kiểm toán.....	43
XVII. CON DẤU	43

Điều 53. Con dấu	43
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 54. Chấm dứt hoạt động.....	44
Điều 55. Gia hạn hoạt động	44
Điều 56. Thanh lý	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 58. Điều lệ công ty	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 ngày 06 tháng 05 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f. "Người điều hành công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18.Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác trong Điều lệ này đã được định nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Central Pharmaceutical Joint Stock Company No.3**

- Tên giao dịch: **CETECO US**

- Tên Công ty viết tắt: **CPC3**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 115 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng

- Điện thoại: 02363 830 202

- Fax: 02363 822 767

- E-mail: duoctw3danang@gmail.com

- Website: www.duoctw3.com

- Logo :



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty
 - a) Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
 - b) Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - c) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
 - d) Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.
 - e) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
 - f) Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh theo chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp giấy phép, nhằm đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và không ngừng đầu tư phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.500.000.000 đồng (*bằng chữ : Mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.750.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng công báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán

được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu

đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan

hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên không điều hành Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp

được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này:

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc

đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 5 người.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong cuộc họp thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao

của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên không điều hành Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật..

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và trước pháp luật về quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông..

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc có chuyên ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát chỉ được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định

pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20 %) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản

trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ

và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quy định số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 nhất trí thông qua ngày 06 tháng 05 năm 2021 tại Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH




NGUYỄN VĂN KHÁI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG THOẠI NHÂN

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 43/NQ/2021/HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 về việc chốt thời gian tổ chức, chương trình họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và quyết định về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

(Kèm theo dự thảo Quy chế)

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2021



Mục lục

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên	3
Điều 5. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	4
Điều 6. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 7. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	7
Điều 10. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	7
Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 13. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
Điều 14. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng.....	11
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến	11
Điều 16. Bỏ phiếu điện tử.....	11
Điều 17. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	11
Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	12
Điều 19. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	12
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 21. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 22. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị	15
Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	16
Điều 24. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị	17
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 27. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị.....	19
Điều 28. Biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị	19

Điều 29.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị	20
Điều 30.	Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	21
Điều 31.	Công bố thông tin về nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị	21
Điều 32.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 33.	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	22
Điều 34.	Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	22
Điều 35.	Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban	22
Điều 36.	Người phụ trách quản trị Công ty	23
Chương IV: BAN KIỂM SOÁT		23
Điều 37.	Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát	23
Điều 38.	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	24
Điều 39.	Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ban Kiểm soát	24
Điều 40.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	24
Điều 41.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát 24	
Điều 42.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	25
Điều 43.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát 25	
Chương V: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP		26
Điều 44.	Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 45.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	26
Điều 46.	Bổ nhiệm cán bộ quản lý, người điều hành công ty	26
Điều 47.	Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành Công ty	27
Điều 48.	Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành công ty, cán bộ quản lý	28
Điều 49.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty, cán bộ quản lý	28
Điều 50.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	28
Chương VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		28
Điều 51.	Tổng giám đốc	28
Điều 52.	Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	29
Điều 53.	Nội dung phối hợp hoạt động điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	29
Điều 54.	Mối quan hệ của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	30
Điều 55.	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	31
Điều 56.	Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao	31

Chương II: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	32
Điều 57. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp	32
Điều 58. Quy trình khen thưởng	32
Điều 59. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	33
Chương II: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 60. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	33
Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	33
Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	33
Điều 62. Điều khoản thi hành	33

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 ngày 06/05/2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục đích: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 (“Quy chế”) đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm mục đích:

- a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- b) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và những người có liên quan;
- c) Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo

hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3;

d) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung chủ yếu sau:

a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc;

d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) “Công ty”: là Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.

b) “Điều lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tùy từng thời điểm.

c) “Cổ đông”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

d) “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e) “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

f) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

g) “Người quản lý doanh nghiệp” là được quy định tại mục d khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

h) “Người điều hành Công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

i) “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

j) “Bỏ phiếu truyền thống” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ

đồng tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ và Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Hội đồng Quản trị họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình Đại hội trong thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a) Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

b) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng .

c) Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

d) Chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.

f) Thông báo và gửi thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng

phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch/niêm yết. Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 6. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ lập văn bản kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 1 Điều này;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp,

fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản này phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)..

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời

hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hay số phiếu không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.

4. Những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và thủ tục thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các vấn đề nêu tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định..

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền

yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp, cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

4. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục

danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

h) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 21 Điều lệ.

2. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty theo các quy định hiện hành.
2. Công ty phải thực hiện bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và tùy thuộc tình hình và điều kiện thực tế của Công ty.

Điều 16. Bỏ phiếu điện tử

1. Việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông được thực hiện tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Chi tiết quy định về việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (nếu có).

Điều 17. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 19. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 21 Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với

từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ và Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được

quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3.3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

3.4. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

Điều 22. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên

Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a) Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b) Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c) Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d) Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của

Đại hội đồng cổ đông.

6. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 24. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị bằng văn bản một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ điều hành khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có);

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử..

6. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu

quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 27. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị

1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm viên chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

Điều 28. Biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có một (01) phiếu biểu quyết; Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 42 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh

của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 29. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì

biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 30. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đúng hạn. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại hoặc gửi lại không đúng hạn được coi là không tham gia biểu quyết.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị. Biên bản cần nêu rõ các nội dung cần lấy ý kiến, các vấn đề được thông qua, số phiếu đồng ý, không đồng ý và có ý kiến khác hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề, họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 31. Công bố thông tin về nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

Việc công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được

thực hiện theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 33. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Nhiệm kỳ của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn cụ thể của thành viên tiểu ban được quy định chi tiết tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban đó, tuy nhiên cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực của tiểu ban phụ trách;

b) Có bằng cấp, chứng chỉ trong trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật;

c) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị

2. Trưởng tiểu ban ngoài các điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều này phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 35. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Các quyết định của Tiểu ban được thông qua theo nguyên tắc đa số. Việc biểu quyết có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản

hoặc thực hiện qua các phương tiện điện tử phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

b) Các quyết định của Tiểu ban phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.

c) Các hoạt động của Tiểu ban phải bảo vệ, nâng cao tối đa quyền và lợi ích của Công ty

2. Trách nhiệm của Tiểu ban

a) Tham mưu, tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, trong việc xây dựng hệ thống quản trị điều hành Công ty.

b) Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Xây dựng cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hợp lý giữa các thành viên trong tiểu ban; Phối hợp với các tiểu ban, Cán bộ điều hành, các Phòng/Trung tâm của Công ty để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

d) Kịp thời cập nhật kiến thức, tình hình thực tế trong lĩnh vực phụ trách theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị để thông báo tới Cán bộ điều hành, các Phòng/Trung tâm của Công ty nhằm hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công việc, phòng ngừa rủi ro.

e) Báo cáo về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

f) Các trách nhiệm khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban.

Điều 36. Người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ và quy định của pháp luật.

Chương IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông về các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 và 2, Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 39. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu thực hiện tương tự quy định tại Điều 23 Quy chế này.

Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản.

Việc cung cấp thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát chỉ được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty

Chương V: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ quản lý khác.

Điều 45. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

- a) Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Kế toán năm 2015;
- b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên;
- c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
- d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.
- e) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.

3. Người điều hành khác:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và của Công ty;

b) Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công. Các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng giám đốc) do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 46. Bổ nhiệm cán bộ quản lý, người điều hành công ty

1. Người điều hành công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty.

4. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

5. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối đa là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

6. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập; các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn và các nội khác theo quy định của pháp luật lao động. Hợp đồng với những người điều hành khác thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị bổ nhiệm thì do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. Hợp đồng với những người điều hành khác không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, người lao động trong công ty do Tổng giám đốc quyết định dựa trên các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ có liên quan hiện hành.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành Công ty

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì cán bộ điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành trong trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty,

vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

d) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm cán bộ điều hành.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 48. Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành công ty, cán bộ quản lý

1. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của người điều hành, cán bộ quản lý đó.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty, cán bộ quản lý

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho người điều hành doanh nghiệp. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý khác theo thẩm quyền.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm, quyền hạn và các nội dung khác theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, các bộ quản lý được thực hiện trong nội bộ Công ty và thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, Tổng giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về

việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định cụ thể tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 52. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

4. Tổng giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp HĐQT về các vấn đề sau: các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của công ty, ảnh hưởng đến công ty, cổ đông và thị trường; cơ cấu tổ chức công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lãnh đạo cấp cao của công ty và hiệu quả của chúng.

5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 53. Nội dung phối hợp hoạt động điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Trong vòng 10 (Mười) ngày đầu tháng, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo chương trình công tác hàng tháng của Ban Tổng giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của tháng trước và các đề xuất (nếu có) cho Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Tổng giám đốc phải xin ý kiến Hội đồng quản trị về các chủ trương đầu tư; danh mục các dự án đầu tư hàng năm và các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

4. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh kinh doanh, cơ cấu đầu tư.. Ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị là cơ sở để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề này;

5. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng giám đốc, xét thấy vấn đề phức tạp và cần thiết Tổng giám đốc có thể tham khảo ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị trước khi quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trợ giúp phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc để Tổng giám đốc có quyết định hợp lý nhất;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

7. Hội đồng quản trị tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm được giao;

8. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

Điều 54. Mọi quan hệ của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị luôn hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tính khách quan, độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm toán các hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành của công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát, kể cả những sai sót của chính Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách là quan sát viên.

4. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

5. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

Điều 55. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Hội đồng quản trị có thể mời thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 56. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền và phải báo cáo Chủ tịch Hội

đồng quản trị khi được yêu cầu. Tổng giám đốc không được ủy quyền lại nếu không được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Chương II: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 57. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng ban, Giám đốc, phó Giám đốc nhà máy trên cơ sở căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Hoàn thành nhiệm vụ
- Không hoàn thành nhiệm vụ

Điều 58. Quy trình khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc; Tổng Giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Chế độ tiền thưởng:

- Bằng tiền
- Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên.

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và nguồn hợp pháp khác.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng

Điều 59. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Nghĩa vụ công bố thông tin

Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật và quy trình công bố thông tin của Công ty.

Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi về vấn đề liên quan thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 62. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Các bản sao, trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ý $\frac{1}{2}$ số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các

cán bộ quản lý và người lao động của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI



TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 43/NQ/2021/HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 về việc chốt thời gian tổ chức, chương trình họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và chấp thuận việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

(Kèm theo dự thảo Quy chế)

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 ngày 05/06/2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Trung ương 3, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 (“**Quy chế**”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty”: là Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.
 - b. “Điều lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tùy từng thời điểm.
 - c. “Cổ đông”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - d. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

d. "Người có liên quan": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. "Cán bộ quản lý Công ty": là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g. "Cán bộ điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

i. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch

giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Cán bộ điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về

các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ;
- g) Công ty đại chúng có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ, quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách

nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 và các quy chế cụ thể của tiêu chuẩn.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Cán bộ điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội

đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 05 năm 2021.



Nguyễn Văn Khải

TỜ TRÌNH

V/v: *Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát*
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ/2021/HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 về việc chốt thời gian tổ chức, chương trình họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và chấp thuận việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

(Kèm theo dự thảo Quy chế)

Trân trọng !

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



TRẦN THỊ MINH



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Dược Trung ương 3;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 ngày 06/05/2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 (“Quy chế”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty”: là Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.
 - b. “Điều lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tùy từng thời điểm.
 - c. “Cổ đông”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - d. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
 - đ. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. "Người quản lý Công ty": là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

i. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

4. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2,3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là Người điều hành Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty; Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 38 Điều lệ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng

cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều 5 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các

ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của

Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ. Trường

Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mọi quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

Điều 22. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 05 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGÔ THỊ THU HIỀN



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Căn cứ các quy định của pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ của Công ty CP Dược Trung ương 3, Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động của HĐQT năm 2020, Kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP Dược Trung ương 3 như sau:

- Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3
- Địa chỉ trụ sở chính: 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
- Điện thoại (Fax): (0236) 3822 767 Email: duoctw3@gmail.com
- Vốn điều lệ: 17.500.000.000 đồng. (Mười bảy tỷ, năm trăm triệu đồng)

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

1. Đánh giá chung:

a. Thuận lợi:

- Bộ máy tổ chức của Công ty đã được kiện toàn, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2020-2025. HĐQT đã quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc từ 01/6/2020.

- HĐQT luôn đề cao sự đồng thuận, nhất trí trong việc xây dựng chính sách, quyết định chủ trương của HĐQT về kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy, luôn lắng nghe và đề cao ý kiến của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành trong việc đề ra các giải pháp và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Công ty có Nhà máy tân dược Non-Betalactam đạt chuẩn GMP-WHO, dây chuyền thực phẩm bảo vệ sức khỏe đạt tiêu chuẩn GMP và kho hàng hóa đạt chuẩn GSP.

- Có hệ thống khách hàng, nhân viên và trình dược viên, cộng tác viên của công ty bao phủ trên toàn quốc.

- Tinh thần, nề nếp làm việc của cán bộ công nhân viên đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, và kết quả là Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra trong năm 2020.

b. Khó khăn:

- Tình hình dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp và ảnh hưởng đặc biệt

ng nghiêm trọng trên địa bàn TP. Đà Nẵng; mưa bão, lũ lụt nghiêm trọng đã xảy ra liên tiếp trên khu vực miền Trung đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Máy móc thiết bị: Phần lớn các thiết bị đã cũ, mua từ 12-18 năm về trước. Một số máy mới đầu tư trong năm 2018, 2019 chưa đồng bộ nên chưa phát huy tính hiệu quả và công suất nhà máy.

- Hệ thống phụ trợ đều đã cũ, được cải tạo nhiều lần. Đặc biệt hệ thống điều hòa không khí có nguy cơ hư hỏng nặng, không còn phù hợp với điều kiện hiện tại.

- Danh mục sản phẩm ít: Tính đến hết năm 2020 chỉ có khoảng hơn 50 số đăng ký. Những số đăng ký chủ lực của công ty hiện tại không được đăng ký lại cũng như không được phép sản xuất tiếp tục vì yêu cầu dây chuyền riêng biệt.

Vì vậy, HĐQT và Tổng giám đốc đã gặp không ít khó khăn trong quản trị, điều hành để đảm bảo sản xuất kinh doanh được ổn định cũng như nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Tuy nhiên với sự nỗ lực của HĐQT, Tổng giám đốc và tập thể người lao động Công ty đã cố gắng khắc phục các khó khăn, tình hình sản xuất, kinh doanh dần ổn định và đạt được những thành tựu đáng khích lệ.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Tại Đại hội đồng thường niên năm 2020 ngày 01/06/2020 đã bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 5 thành viên như sau:

- Ông Nguyễn Văn Khải – Chủ tịch HĐQT
- Ông Trương Thoại Nhân – TV HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Trần Anh Tuấn – TV HĐQT
- Ông Nguyễn Huy Thanh – TV HĐQT
- Ông Vũ Tam Khôi – TV HĐQT

Stt No.	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
	Nhiệm kỳ 2015-2020			
1	Nguyễn Thành Linh	2/2	100%	
2	Võ Kim Huệ	2/2	100%	
3	Nguyễn Đức Thắng	2/2	100%	
4	Trương Thoại Nhân	2/2	100%	
5	Trần Anh Tuấn	2/2	100%	
	Nhiệm kỳ 2020-2025			
1	Nguyễn Văn Khải	3/3	100%	
2	Trương Thoại Nhân	3/3	100%	
3	Trần Anh Tuấn	3/3	100%	

Stt No.	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
4	Nguyễn Huy Thanh	3/3	100%	
5	Vũ Tam Khôi	3/3	100%	

3. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, có sự đồng thuận cao của các thành viên trong Hội đồng quản trị. Các cuộc họp HĐQT, lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Trong năm 2020 HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 10 lần, ban hành 17 nghị quyết và 10 quyết định theo thẩm quyền quy định của HĐQT, tập trung vào các nhóm vấn đề chính như sau:

- Nghị quyết về việc mua lại cổ phiếu ưu đãi cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa của người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động trước thời gian cam kết để làm cổ phiếu quỹ năm 2020.
- Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 đối với Ông Nguyễn Thành Linh.
- Nghị quyết về việc Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 đối với ông Trương Thoại Nhân.
- Nghị quyết thống nhất việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Nghị quyết thống nhất việc giải thể chấm dứt hoạt động của Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương 3 – Chi Nhánh Thăng Long.
- Nghị quyết về việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Ông Nguyễn Đức Thắng.
- Nghị quyết và quyết định về việc bầu ông Nguyễn Văn Khải giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, Bổ nhiệm ông Trương Thoại Nhân giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với ông Vũ Tam Khôi.
- Nghị quyết và quyết định về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hải Anh giữ chức vụ giữ chức vụ Phụ trách kế toán Công ty.
- Nghị quyết thông qua việc xử lý hàng hóa, bao bì, nguyên liệu kém phẩm chất, đã hết hạn sử dụng hoặc hết số đăng ký hiện đã trích lập dự phòng năm 2019.

Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, trả lời phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Căn cứ vào Quy chế nội bộ của công ty ban hành năm 2018 quy định cụ thể

quyền hạn, nghĩa vụ cũng như mối liên hệ giữa HĐQT và Tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện đúng theo chế độ các báo hàng tháng và hàng quý, thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Tại các cuộc họp thường kỳ, HĐQT đã giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý về kế hoạch sản xuất kinh doanh và các vấn đề quan trọng của Công ty.


5. Những kết quả đạt được:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 là năm khó khăn của cả nước nói chung và ngành dược nói riêng khi phải đối mặt với đại dịch Covid-19 và đặc biệt khu vực miền Trung cộng thêm thiên tai liên tiếp.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người lao động công ty trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng cường tuyển dụng, sắp xếp lại nhân sự,... đã đưa công ty vượt qua khó khăn và về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch năm 2020 đã đề ra, doanh thu hàng sản xuất đạt 94,5% kế hoạch và bằng 109,1% so với năm trước, đặc biệt lợi nhuận trước thuế đạt 348% và lợi nhuận sau thuế đạt 307% kế hoạch năm 2020 và bằng 11 lần so với thực hiện năm 2019.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					So với KH	So với NT
1. Doanh thu thuần	tr.đ	338.317	307.000	264.326	86,1%	78,1%
- Doanh thu hàng sản xuất	tr.đ	62.589	72.000	68.288	94,8%	109,1%
- Doanh thu bán hàng và ủy thác nhập khẩu	tr.đ	275.727	235.000	196.038	83,4%	71,1%
2. Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	364	700	2.436	348,0%	669,2%
3. Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	159	560	1.720	307,1%	1081,8%
4. Mức chia cổ tức	%	0	3	5	166,7%	-

 Hoàn thành việc xét đạt GMP cho nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe vào tháng 11/2020

 Kện toàn bộ máy quản lý, điều hành

Năm 2020 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT mới 2020-2025 và Tổng giám đốc được bổ nhiệm mới từ 01/6/2020.

Trong năm 2020 Công ty cũng đã rà soát và kiện toàn lại bộ máy nhân sự quản lý, điều hành phù hợp với yêu cầu như: Tổ chức, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh và nhân sự của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; giải thể Chi nhánh Thăng Long;

tuyển dụng và bổ nhiệm Kế toán trưởng và các nhân sự khác.

- ✚ Từng bước hoàn thiện và đảm bảo tuân thủ quy trình sản xuất kinh doanh, hoạt động sản xuất dần đi vào ổn định. Diện mạo Công ty bước đầu đã có những thay đổi. Nề nếp, tinh thần làm việc của người lao động thay đổi theo hướng tích cực
- ✚ Hệ thống kinh doanh được củng cố và mở rộng.

6. Lương và thù lao của Hội đồng quản trị năm 2020

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, mức lương thù lao chi trả cho HĐQT là :

STT	Chức danh	Chuyên trách (đồng/người/tháng)	Không chuyên trách (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	40.000.000	6.000.000
2	Ủy viên HĐQT		4.000.000

Tổng mức chi trả lương và thù lao cho HĐQT năm 2020 là: 366.000.000 đồng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Năm 2021 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm khó khăn nữa của cả nước khi tình hình dịch bệnh còn phức tạp, sự thay đổi về Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán mới cũng như các văn bản pháp luật trong ngành áp dụng một số quy định mới và hơn nữa đó là sức cạnh tranh thị trường ngày một lớn khiến Công ty gặp nhiều khó khăn. HĐQT và Ban điều hành sẽ tiếp tục tiến hành phân tích dữ liệu và đề ra kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, xây dựng kế hoạch cho năm 2020 và kế hoạch cho những năm sắp đến của nhiệm kỳ 2020-2025.

1. Đánh giá chung về tình hình sản xuất kinh doanh của năm 2021:

a. Thuận lợi:

- Năm 2020 Công ty đã tiến hành việc rà soát, sắp xếp lại nhân sự, máy móc thiết bị cũng như hệ thống sản xuất, bán hàng nên năm 2021 sẽ là năm ổn định đi vào sản xuất kinh doanh.
- Việc xét đạt GMP cho nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe, tạo động lực để đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm này trong năm 2021.
- Hơn 20 số đăng ký đã được gia hạn 1 năm trong năm 2020 sẽ giúp công ty bổ sung vào danh mục sản phẩm.

b. Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt thấp; nhu cầu khám chữa bệnh của người dân giảm làm giảm nhu cầu về thuốc đối với các bệnh viện và cơ sở y tế.

- Danh mục sản phẩm sản xuất của Công ty rất ít, chưa đa dạng và không có nhiều lợi thế trong sản xuất kinh doanh. Công tác nghiên cứu sản phẩm mới của Công ty rất yếu, việc đăng ký và gia hạn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

- Việc đầu tư Dự án kho và văn phòng tại Hòa Minh – Liên Chiểu dự kiến triển khai thực hiện và đi vào hoạt động trong 2021, tuy nhiên dự kiến trong 3 đến 5 năm đầu chưa có hiệu quả.

- Khó khăn về nguồn vốn: Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty quá thấp, hiện có 17,5 tỷ đồng. Do đó, nguồn vốn lưu động của Công ty hoàn toàn không có, nên phụ thuộc toàn bộ vào nguồn vốn vay ngân hàng. Mặt khác, do hiệu quả sản xuất kinh doanh những năm trước đạt thấp nên việc vay vốn, giải ngân phía ngân hàng gặp khó khăn, trở ngại. Trong năm 2021 Công ty sẽ phát sinh các khoản chi phí đầu tư lớn và quan trọng như đầu tư cải tạo Nhà máy phục vụ cho việc xét duyệt GMP; đầu tư dự án kho Hòa Minh – Liên Chiểu; đầu tư sửa chữa nhà kho, văn phòng do đã bị xuống cấp trầm trọng, dột và thấm nước,...

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Với những đánh giá, phân tích như trên, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	So với NT (%)
1	Doanh thu thuần	tr. đồng	290.000	109,7%
	- <i>Doanh thu hàng sản xuất</i>	tr. đồng	80.000	117,2%
	- <i>Doanh thu hàng ủy thác NK</i>	tr. đồng	210.000	107,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	3.500	143,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	2.800	162,8%
4	Mức chia cổ tức	%	5%	100,0%

3. Các nhiệm vụ trọng tâm:

HDQT tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương, định hướng của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp các dây chuyền sản xuất phù hợp. Hoàn thành xét GMP cho Nhà máy tân dựng;

- Phát triển danh mục sản phẩm. Duy trì và gia tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng;

- Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; mở rộng và phát triển thị trường; đẩy mạnh phát triển thị trường OTC; tập trung tham gia đấu thầu và nhận ủy quyền thầu trên

phạm vi toàn quốc;

- Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm. Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình sản xuất, quy chế quản trị, điều hành. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật để quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu ổn định, hợp lý nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm;

- Triển khai thực hiện Dự án kho và văn phòng tại Hòa Minh – Liên Chiểu.

4. Các giải pháp thực hiện:

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty sẽ triển khai thực hiện bằng các giải pháp cụ thể:

- Khảo sát, đánh giá và lên kế hoạch cụ thể để đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho nhà máy tân dược và hoàn thiện hồ sơ sản xuất để hoàn thành mục tiêu xét GMP – WHO cho nhà máy tân dược dự kiến vào tháng 10/2021.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Xây dựng kế hoạch tài chính, tìm kiếm nguồn vốn khả thi, phù hợp với tình hình thực tế để đầu tư mở rộng sản xuất và thực hiện các mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh công tác bán hàng: Tăng cường công tác bán hàng OTC bao phủ cả nước, ETC được mở rộng hơn, tìm thêm các đối tác gia công tại nhà máy để tăng doanh số, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đẩy mạnh hoạt động của nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Tăng cường liên kết, hợp tác kinh doanh với các Công ty, đơn vị có thế mạnh về tài chính, về khách hàng và marketing để đẩy nhanh việc bán các sản phẩm mới nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh Công ty.

- Chú trọng công tác đăng ký hồ sơ để tăng danh mục hàng sản xuất. Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ cho nhu cầu xã hội: Tăng cường công tác làm hồ sơ đăng ký sản phẩm để đạt tối thiểu 70 số đăng ký thuốc và 12 số đăng ký thực phẩm bảo vệ sức khỏe vào cuối năm 2021, và mỗi năm tăng 10-15 số đăng ký mới, công ty cố gắng phấn đấu nghiên cứu có sản phẩm chủ lực cho Công ty.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các Quy trình sản xuất, quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý điều hành cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Tăng cường giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và việc tuân thủ các nội quy, quy chế, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, kịp thời phát hiện các sai sót để khắc phục. Phát huy hơn nữa tính tích cực, chủ động của bộ máy điều hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người lao động.

- Tăng cường kiểm soát chi phí: Xây dựng và thực hiện các quy định mới nhằm kiểm soát công nợ, hàng hóa chặt chẽ. Tiếp tục rà soát và thực hiện việc tiết kiệm các khoản chi phí không cần thiết, tránh lãng phí.

- Rà soát, đánh giá để lựa chọn các nhà cung cấp ổn định nguyên liệu đầu vào

đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, tăng năng suất lao động.

- Củng cố công tác nhân sự: Tuyển dụng, bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, tuyển dụng nhân sự cho Chi nhánh hoạt động kinh doanh ủy thác tại Hồ Chí Minh. Sắp xếp bố trí nhân sự phù hợp, tuyển dụng thêm nhân sự có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao trong khâu sản xuất, nghiên cứu sản phẩm cũng như trong ở bộ phận kinh doanh.

- Chăm lo đời sống người lao động. Xây dựng các chính sách đãi ngộ nhân tài phù hợp nhằm thu hút và tạo sự gắn bó của người lao động với Công ty. Có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ năng lực cán bộ của các phòng ban chuyên môn. Tổ chức tập huấn các văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động và các kỹ năng cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Công ty CP Dược Trung ương 3.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý cổ đông, Tổng công ty Dược Việt Nam, Quý khách hàng, Nhà đầu tư cùng toàn thể CBCNV đã hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty CP Dược Trung ương 3 hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh năm 2020.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công !

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khải

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2020:

1. Tình hình chung:

- Năm 2020, dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến nhiều ngành kinh tế của Việt Nam, trong đó thì ngành dược phẩm tuy là một trong những ngành cung cấp mặt hàng thiết yếu đối với người dân nhưng cũng chịu sự tác động không nhỏ từ đại dịch.
- Việc xin cấp số đăng ký sản xuất yêu cầu ngày càng chặt chẽ, là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp nhỏ, một số số đăng ký cũ không đủ điều kiện tái cấp làm suy giảm nghiêm trọng tới doanh số sản xuất. Phần lớn danh mục sản phẩm của Công ty là những loại thuốc thông thường, không có các loại thuốc có dạng bào chế đặc biệt và thuốc chuyên khoa đặc trị.
- Nguyên liệu của Công ty đa phần là hàng mua trong nước, được nhập khẩu từ nước ngoài và có nguồn gốc chủ yếu là từ Trung Quốc và Ấn Độ. Dịch Covid-19 đã làm gián đoạn nguồn cung nguyên liệu của các doanh nghiệp nhập khẩu. Việc khan hiếm nguyên liệu trong chuỗi cung ứng toàn cầu cùng với chi phí vận chuyển, phân phối tăng cao và nhu cầu mua hàng trong nước cũng gia tăng trong tình hình dịch bệnh Covid-19 dẫn đến đẩy giá nguyên liệu dùng để sản xuất tăng cao.
- Công ty CP Dược trung ương 3 là doanh nghiệp nhỏ, chịu ảnh hưởng sâu sắc theo tình hình chung của ngành, mặt khác cộng thêm khó khăn về tài chính cũng là vấn đề nan giải chưa có giải pháp tháo gỡ.

2. Các mặt đạt được:

- Tiếp tục củng cố sản xuất, nâng cao năng lực và công suất của Nhà máy GMP tân được, đảm bảo cung ứng kịp thời hàng hóa theo yêu cầu của bộ phận kinh doanh.
- Hoàn thành việc xét đạt GMP cho nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe vào tháng 11/2020.



- Việc mở rộng thị trường tại khu vực miền Bắc và tiếp tục củng cố hệ thống kinh doanh tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam tới từng quầy thuốc đã phát huy hiệu quả, doanh số đã có những bước tăng trưởng ổn định.

3. Những hạn chế còn tồn tại:

- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh và thiên tai, đặc biệt dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp trên địa bàn TP. Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung đã khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có thời điểm bị gián đoạn.
- Máy móc thiết bị: Phần lớn các thiết bị đã cũ, công suất không đảm bảo phục vụ sản xuất, chưa phát huy tính hiệu quả và công suất của nhà máy.
- Hệ thống phụ trợ đã cũ, đặc biệt hệ thống điều hòa không khí và hệ thống nước RO được cải tạo nhiều lần, có nguy cơ hư hỏng nặng, không đáp ứng đủ công suất hiện tại cho nhà máy GMP tân được và xưởng GMP Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, cần phải được đầu tư nâng cấp.
- Dây chuyền cao xoa thuốc nước dùng ngoài hiện tại đã không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất, cần phải được đầu tư làm mới, cải tạo hoàn toàn.
- Về nguồn vốn: nguồn vốn lưu động của Công ty hoàn toàn không có, nên lệ thuộc toàn bộ vào nguồn vốn vay ngân hàng. Tuy nhiên, do hiệu quả sản xuất kinh doanh những năm trước đó thấp nên việc vay vốn, giải ngân phía ngân hàng gặp trở ngại.
- Danh mục sản phẩm: tính đến hết năm 2020, công ty chỉ có khoảng hơn 50 số đăng ký và một số phẩm chủ lực số đăng ký chủ lực của công ty không được phép sản xuất tiếp tục do dây chuyền sản xuất chưa đáp ứng được theo yêu cầu, các hoạt chất kết hợp không được cục quản lý dược đồng ý cấp phép...
- Từ tháng 7/2019 đến 10/2020, Công ty phải đã dừng sản xuất các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe do chưa có giấy chứng nhận GMP theo yêu cầu của Bộ y tế, khiến việc sản xuất khoảng 10 số đăng ký mỹ phẩm và thực phẩm chức năng bị đình trệ và việc số đăng ký mới cũng không thể tiến hành.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Một số chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh thực hiện trong năm 2020



Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	Tỷ lệ so với	
				TH 2019	KH 2020
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	338.317.552	264.326.728	307.000.000	78%	86%
<i>Doanh thu hàng sản xuất</i>	<i>62.589.698</i>	<i>68.288.527</i>	<i>72.000.000</i>	<i>109%</i>	<i>95%</i>
<i>Doanh thu từ bán hàng và ủy thác NK</i>	<i>275.727.854</i>	<i>196.038.201</i>	<i>235.000.000</i>	<i>71%</i>	<i>61%</i>
Giá vốn hàng bán	306.985.325	227.707.907	275.400.000	74%	83%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.332.227	36.618.822	31.600.000	117%	116%
Doanh thu hoạt động tài chính	230.420	401.346	300.000	174%	134%
Chi phí tài chính	4.310.321	4.235.877	3.700.000	98%	114%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.452.202</i>	<i>1.447.731</i>	<i>1.700.000</i>	<i>99%</i>	<i>85%</i>
Chi phí bán hàng	12.362.473	14.419.945	13.000.000	117%	111%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.883.134	16.110.246	14.000.000	108%	115%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.719	2.254.100	1.200.000	335%	188%
<i>Thu nhập khác</i>	<i>603.968</i>	<i>589.806</i>	<i>400.000</i>	<i>97%</i>	<i>147%</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>246.625</i>	<i>408.201</i>	<i>800.000</i>	<i>165%</i>	<i>51%</i>
Tổng lợi nhuận trước thuế	364.062	2.435.704	700.000	669%	348%
<i>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</i>	<i>204.617</i>	<i>715.228</i>	<i>140.000</i>	<i>350%</i>	<i>511%</i>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	159.445	1.720.476	560.000	1079%	307%

1. Doanh thu: Doanh thu thuần thực hiện năm 2020 chỉ đạt 78% so với năm 2019 và 86% so với kế hoạch năm 2020 và, trong đó:

- Hàng nhập khẩu ủy thác của 2 chi nhánh: Tổng doanh thu năm 2020 của 2 chi nhánh bị ảnh hưởng chung bởi tình hình dịch Covid-19, chỉ đạt 196 tỷ đồng, bằng 61% so với kế hoạch năm 2020 đã đề ra.



- Hàng sản xuất: Trong năm 2020 mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid 19 và thiên tai nhưng doanh số bán hàng sản xuất của Công ty đã đạt 68,3 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2019, đạt 95% so với kế hoạch năm 2020 đề ra.
- 2. Lợi nhuận:** Lợi nhuận gộp toàn công ty đạt 36,6 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 2.4 tỷ đồng, tăng 669% so với năm 2019 và đạt 348% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,72 tỷ đồng, gấp hơn 11 lần so với năm 2019 và vượt 307% kế hoạch năm 2020 đề ra.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Đặc điểm tình hình:

a. Thuận lợi

- Năm 2020 công ty đã tiến hành việc rà soát, sắp xếp lại nhân sự, máy móc thiết bị cũng như hệ thống sản xuất, bán hàng nên năm 2021 sẽ là năm ổn định đi vào sản xuất kinh doanh.
- Việc xét đạt GMP nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe, tạo động lực để đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm này trong năm 2021.
- Số đăng ký sẽ được gia hạn giúp công ty bổ sung vào danh mục sản phẩm, tăng doanh thu.
- Sẵn sàng về công tác nhân sự và nguồn lực liên quan để mở rộng mảng đầu thầu toàn quốc và phân phối thương mại cho các công ty khác.

b. Khó khăn

- Việc đầu tư cho công tác duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà máy tân được đề chuẩn bị xét duyệt GMP trong tháng 10/2021 dự tính sẽ tốn kém một khoản chi phí khá lớn thì mới có khả năng xét đạt.
- Nhà kho GSP (đã xây dựng gần 20 năm), khu văn phòng, đã bị xuống cấp trầm trọng, dột và thấm nước, trong thời gian đến cần phải được sửa chữa, nâng cấp rất nhiều.
- Hiện công ty đang có hơn 10 bộ hồ sơ xin cấp số đăng ký tại Cục quản lý dược, trong đó các sản phẩm chủ lực mà công ty hướng đến như Amlocen, Clarithromycin, Leflox 750, Paracetamol 650, Datadol codein ... thì vẫn chưa được cấp số đăng ký.
- Đầu tư cải tạo, làm mới dây chuyền cao xoa, thuốc nước dùng ngoài do hiện đã không còn phù hợp để sản xuất.
- Chi phí để tiếp tục củng cố, tổ chức lại hệ thống bán hàng theo phương thức quản lý, đồng thời dự kiến đầu tư thêm văn phòng cho khu vực miền Đông Nam Bộ.
- Dự án kho và văn phòng tại Hòa Minh – Liên Chiểu dự kiến triển khai và đi vào hoạt động trong 2021, tuy nhiên trong 3 năm đầu sẽ không có hiệu quả tài chính.



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	So sánh với thực hiện năm 2020 (%)
I	DOANH THU THUẦN	290.000	108
1	<i>Doanh thu hàng sản xuất</i>	<i>80.000</i>	<i>117</i>
2	<i>Doanh thu hàng ủy thác NK</i>	<i>210.000</i>	<i>107</i>
II	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.500	144
III	TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.800	163

3. Các giải pháp thực hiện:

- Hoàn thành mục tiêu xét đạt GMP cho nhà máy tân dược: Lên kế hoạch cụ thể để đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho nhà máy tân dược và hoàn thiện hồ sơ sản xuất, phấn đấu xét duyệt đạt tiêu chuẩn GMP- WHO cho nhà máy tân dược vào tháng 10/2021 đồng thời hoàn thành kế hoạch năm 2021 đề ra.
- Xây dựng, mở rộng danh mục sản phẩm:
 - + Thuộc tân dược: Tăng cường công tác làm hồ sơ đăng ký sản phẩm để tăng danh mục lên khoảng 70 sản phẩm vào cuối năm 2021 và mỗi năm phấn đấu tăng 10-15 số đăng ký mới. Đồng thời cố gắng phấn đấu nghiên cứu và xây dựng một số sản phẩm chủ lực cho công ty.
 - + Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Tiếp tục triển khai thực hiện việc đăng ký số mới, dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ có thêm khoảng 03 số đăng ký mới của công ty và 03 số của các đối tác gia công.
- Đẩy mạnh công tác bán hàng: Tăng cường công tác bán hàng OTC bao phủ cả nước, ETC được mở rộng hơn, tìm thêm các đối tác gia công tại nhà máy để tăng doanh số.
- Tập trung triển khai mảng đấu thầu: Mở rộng, tập trung tham gia đấu thầu trên phạm vi toàn quốc và đồng thời tìm kiếm, hợp tác phân phối thương mại, nhận ủy quyền thầu cho các công ty khác.
- Kiểm soát chi phí: Xây dựng và thực hiện các quy định mới nhằm kiểm soát công nợ, hàng hóa chặt chẽ. Tiếp tục rà soát và thực hiện việc tiết kiệm các khoản chi phí không cần thiết, tránh lãng phí.



- Đẩy mạnh hoạt động của nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Nhà máy bảo vệ sức khỏe được xét duyệt sẽ là yếu tố để phát triển và triển khai sản xuất sản phẩm TPCN, đăng ký số đăng ký mới bổ sung thêm vào danh mục sản phẩm của Công ty.
- Củng cố công tác nhân sự: Củng cố quy trình, tổ chức lại nhân sự cho chi nhánh hoạt động kinh doanh ủy thác tại Hồ Chí Minh. Sắp xếp bố trí nhân sự phù hợp, tuyển dụng thêm nhân sự có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao trong khâu sản xuất cũng như trong ở bộ phận kinh doanh.
- Đối với dự án Hòa Minh – Liên Chiểu: Triển khai xây dựng và đưa dự án Hòa Minh đi vào hoạt động trong năm 2021.

Nơi nhận

- Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP;
- HĐQT;
- VT;



Số : 01/BKS

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3
NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động Công ty;
- Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình và kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2020 với các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Nhiệm kỳ 2020-2025 có 03 thành viên đã được đề cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên gồm:

- Bà Trần Thị Minh - Trưởng ban
- Bà Hà Lan Anh – Thành viên
- Bà Ngô Thị Thu Hiền – Thành viên

Trong đó: 02 thành viên đang công tác tại Công ty và Bà Hà Lan Anh công tác tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

2. Hoạt động của BKS năm 2020

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban điều hành Công ty
- Giám sát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020; giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước, các quy chế quản trị nội bộ của công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty; phối hợp với các phòng ban chức năng của Công ty giám sát : Công tác quản lý, điều hành, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, công tác ký kết thực hiện thanh lý hợp đồng, thu hồi công nợ...

- Tham gia các buổi họp của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 về kế hoạch kinh doanh hàng năm và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, họp định kỳ, đột xuất khi nhận được thư mời; phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc sửa đổi cải tiến cơ cấu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn chủ sở hữu với mục đích bảo toàn vốn.
- Năm 2020 Công ty có nhiều biến động về tình hình hoạt động và cơ cấu tổ chức, BKS đã đưa ra các ý kiến kiến nghị liên quan đến hoạt động điều hành của HĐQT và Ban điều hành đảm bảo tuân thủ các quy định quy trình thủ tục pháp lý, điều lệ và các quy định nội bộ.

3. Thù lao Ban kiểm soát năm 2020:

T T	Tên thành viên BKS	Vị trí	Thù lao (đồng/tháng)	Năm 2020
1	Trần Thị Minh	Trưởng BKS	4.000.000	Từ tháng 1 đến tháng 12
2	Hà Lan Anh	Thành viên BKS	2.000.000	Từ tháng 1 đến tháng 12
3	Ngô Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	2.000.000	Từ tháng 6 đến tháng 12
4	Dương Trường Sinh	Thành viên BKS	2.000.000	Từ tháng 1 đến tháng 5

II. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BKS được cung cấp các thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tham gia tất cả các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT.

Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc trong xây dựng các quy chế quy định tại Công ty

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đánh giá hoạt động quản trị, điều hành hành của Công ty:

Qua kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2020, BKS nhận thấy HĐQT và Tổng giám đốc đã chỉ đạo hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Đồng thời, hoạt động kinh doanh đã thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách quy định của pháp luật

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp đầy đủ và tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện;

Công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động điều hành của Công ty đảm bảo tính công khai và minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và hướng đến mục tiêu hiệu quả hoạt động.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 1/6/2020 đã ban hành 36 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh và biện pháp hoạt động của Tổng công ty.

3. Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2020, Tổng giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, cụ thể:

- Đã cụ thể hóa mục tiêu và có các biện pháp triển khai kế hoạch kinh doanh, tăng cường mở rộng mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả nước và mảng kinh doanh thầu, tăng cường công tác quản lý tài chính, tập trung tìm kiếm nhân lực có chuyên môn, nâng cao công tác đào tạo cán bộ. Rà soát sắp xếp sản xuất nâng cao năng suất lao động đảm bảo đáp ứng kịp thời nguồn hàng kinh doanh... hướng đến mục tiêu tiếp tục tăng trưởng an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

- Xây dựng và triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đến từng cán bộ, chỉ đạo kịp thời công tác sắp xếp bổ sung nhân sự chuyên môn quản lý một số vị trí cần thiết gồm : Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh HCM, Phó phòng NCPT, Phó phòng Bán hàng, Phó phòng Thầu, Trưởng bộ phận Cơ điện...

- Thúc đẩy tiến độ thực hiện hoàn thành việc xét Nhà máy GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Trong các cuộc họp giao ban, Tổng giám đốc định kỳ thực hiện việc đánh giá triển khai theo định hướng của HĐQT, chỉ đạo khắc phục sửa chữa và thanh quyết toán một số MMTB tồn đọng, xử lý đơn đốc thu hồi nợ cũ, trích lập xử lý hàng hóa, NVL, bao bì kém phẩm chất hết hạn..

- Thực hiện đúng đủ các chế độ chính sách chế độ đối với NLĐ....

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2020:

1. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty:

- Tất cả các hoạt động tài chính của Công ty phù hợp với đăng ký kinh doanh.
- Công tác tài chính kế toán của công ty tuân thủ các quy định về kế toán, kiểm toán Việt Nam.
- Công ty đã thuê Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

- Công ty đã thực hiện đúng quy định của luật kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam đồng thời phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc lập, luân chuyển sử dụng chứng từ kế toán đảm bảo hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

- Chứng từ sổ sách kế toán lưu trữ, biểu mẫu phù hợp, việc hạch toán trên máy và được in ra lưu trữ theo qui định

- Nhìn chung, báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020.

2. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ:

Năm 2020 dịch bệnh thiên tai ảnh hưởng rất nhiều đến khu vực và cả nước, tại Công ty thì có quá nhiều biến động nhưng Ban điều hành đã quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh các công tác khắc phục, xúc tiến công tác kinh doanh và sản xuất để đạt được kết quả theo Nghị quyết của HĐQT:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ	
						Thực hiện 2020	
						TH 2019	KH 2020
1.	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	17,5	17,5	17,5	100%	100%
2.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	338	307	264	78%	86%
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,364	0,700	2,436	669%	348%
4.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,159	0,560	1,720	1079%	307%
5.	Tỷ lệ chia cổ tức /VDL/năm	%	0	3	5	0	167%

Năm 2020, Doanh thu hợp nhất thực hiện giảm so với kế hoạch chỉ đạt 86% và so với thực hiện chỉ đạt 78% (trong đó doanh thu XNK giảm so với thực hiện năm 2019 và chỉ đạt 71%, nhưng doanh thu hàng sản xuất tăng 9% so với thực hiện 2019), vì vậy mặc dù doanh thu hàng sản xuất có tăng nhưng rất thấp không bù đắp được mức giảm của doanh thu hàng XNK.

Nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng cả so với năm 2019 lẫn kế hoạch 2020 cho thấy Công ty cũng đã cố gắng nỗ lực để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như hiện tại.

Trong năm 2020 do công ty chủ động đầu tư nâng cấp từ công tác sản xuất đến bán hàng nên chi phí quản lý doanh nghiệp, cũng như chi phí bán hàng tăng so với năm 2019 nhưng Công ty đã thực hiện rất tốt về công tác quản lý sản xuất giảm chi phí hao hụt, quản lý tốt khâu giá thành sản xuất góp phần cải thiện kết quả hoạt động sản xuất của công ty, Công ty cần tiếp tục phát huy điểm này.

Thời gian qua Công ty cũng đã đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên cho người lao động, thực hiện đúng đủ chính sách cho người lao động không nợ BHXH, thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ đúng qui định.

3. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Ban điều hành và HĐQT đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu đều tăng từ 7% trở lên như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	So sánh với thực hiện năm 2020 (%)
I	DOANH THU THUẦN	290.000	108
1	<i>Doanh thu hàng sản xuất</i>	<i>80.000</i>	<i>117</i>
2	<i>Doanh thu hàng ủy thác NK</i>	<i>210.000</i>	<i>107</i>
II	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.500	144
III	TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.800	163
IV	Tỷ lệ chia cổ tức /VĐL/năm	5%	100

V. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- HĐQT sớm thông nhất đưa ra các phương án cho Dự án Hòa Minh.
- HĐQT cần có biện pháp xử lý dứt điểm các hệ lụy tài chính về nợ xấu
- HĐQT cần quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các quyết sách thúc đẩy kinh doanh hàng sản xuất vẫn ưu tiên cắt giảm chi phí.
- Các dự toán công tác đầu tư cần được quyết định dứt khoát giữa Ban điều hành và HĐQT để nâng cao hiệu quả kinh tế.
- Công tác tài chính kế toán lưu ý tăng cường biện pháp quản trị rủi ro đối với công nợ khách hàng đảm bảo tăng doanh số nhưng an toàn trong công tác thu nợ
- Công tác quản lý tại CN HCM mới bổ sung thay thế, Ban điều hành xem xét có kế hoạch quản lý phù hợp, đạt hiệu quả kinh doanh.

VI. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Xây dựng kế hoạch làm việc năm 2021.
- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021, giám sát việc triển khai các chiến lược và định hướng Công ty.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn liên quan đến công tác kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

Kính chúc ĐHĐCĐ sức khỏe và thành công.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN THỊ MINH

Số : 52/TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v : Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020
Và Dự kiến một số chỉ tiêu tài chính năm 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Dự kiến một số chỉ tiêu tài chính năm 2021 như sau :

1. Chi tiết chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	264.327	86%
2	Lợi nhuận trước thuế	2.436	348%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.720	307%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.720	307%

2. Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.720
2	Chi trả cổ tức: 5%/vốn điều lệ	875
3	Quỹ đầu tư phát triển (trích 30% LNST)	516
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	170
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	159

3. Dự kiến một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ so với thực hiện năm 2020
1	Tổng doanh thu thuần	290.000	108 %
2	Lợi nhuận trước thuế	3.500	144%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.800	163%
4	Cổ tức	5%/ vốn điều lệ	100%
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	30% LNST	100%
6	Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	10% LNST	100%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua ./.

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- TK công ty;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: 53/TTtr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v : Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát,
Thư ký công ty và lương Tổng giám đốc năm 2020
Kế hoạch chi trả thù lao, lương năm 2021**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tổ chức Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020;

1. Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty và lương của Tổng giám đốc năm 2020

- ❖ Mức chi trả thù lao, lương thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty năm 2020

STT	Chức danh	Số lượng	Kế hoạch năm 2020 (đồng/người /tháng)	Thực hiện năm 2020 (đồng/người /tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị	5			
1	Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	1	40.000.000	40.000.000	
	Chủ tịch HĐQT (Không chuyên trách)		6.000.000	6.000.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	4.000.000	
II	Ban kiểm soát	3			
1	Trưởng ban kiểm soát (Không chuyên trách)	1	4.000.000	4.000.000	
2	Thành viên ban kiểm soát	2	2.000.000	2.000.000	
III	Tổng giám đốc	1	35.000.000	35.000.000	
IV	Thư ký công ty	1	2.000.000	2.000.000	

Tổng cộng khoản chi thù lao, lương cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thư ký công ty là: 891.600.000 đồng.

Như vậy việc chi trả thù lao, lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đã tuân thủ đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

2. Kế hoạch chi trả thù lao, lương năm 2021

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua thù lao, lương cho các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS), Tổng giám đốc và Thư ký của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 trong năm 2021 như sau:

- Thù lao, lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

STT	Chức danh	Chuyên trách (đồng/người/tháng)	Không chuyên trách (đồng/người/tháng)
	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch HDQT	40.000.000	6.000.000
2	Ủy viên HDQT		4.000.000
	Ban kiểm soát		
1	Trưởng BKS	15.000.000	4.000.000
2	Thành viên BKS		2.000.000

- Lương Tổng giám đốc: 35.000.000 đồng/ tháng
- Thù lao Thư ký công ty: 2.000.000 đồng/ tháng

Tiền thù lao, lương thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và Thư ký của Công ty được trả cuối mỗi tháng.

Trân trọng ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- HDQT;
- BKS;
- TK công ty;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 ;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định về lập báo cáo tài chính hợp nhất, để cho việc hợp nhất báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP được thuận lợi đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 cùng với lựa chọn của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT. BKS;
- Lưu VT;

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN THỊ MINH

Số : 55/TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

***V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi
Và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị***

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ/2021/HĐQT ngày 24/03/2021 về việc tiếp nhận đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty của ông Vũ Tam Khôi;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Vũ Tam Khôi và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- TK công ty;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

Số : 56/TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

***V/v miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh
Và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát***

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty của bà Trần Thị Minh;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Trần Thị Minh và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- TK công ty;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

Số: 45/QĐ-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

*V/v: Ban hành Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử
Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025
tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Dược Trung ương 3*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược Trung ương 3;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 43/NQ/2021/HĐQT ngày 14/04/2021 ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 biểu quyết thông qua và chỉ áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên liên quan và các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SSC, HNX;
- Lưu TK công ty;



Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

*(Ban hành kèm Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3)*

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ).

Điều 2. Danh sách bầu cử, nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT, BKS

2.1 Ban tổ chức họp ĐHCĐ thu thập hồ sơ đề/ứng cử thành viên HĐQT/BKS do cổ đông gửi về trước thời điểm tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2.2 Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 là 01 thành viên, số lượng bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025 là 01 thành viên.

Điều 3. Điều kiện trở thành thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược Trung ương 3, điều kiện trở thành thành viên HĐQT, BKS như sau:

Đối với thành viên HĐQT

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Đối với thành viên BKS

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

Điều 4. Quyền và Hồ sơ tham gia Đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, BKS

4.1 Quyền đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, BKS:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4.2 Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn đề cử ứng cử viên vào HĐQT (theo mẫu 01/ĐC, 02/ĐC)
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu 03/ĐC)
- Bản sao CMND hoặc hộ chiếu và các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
- Hồ sơ đề cử/ứng cử phải gửi về Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 trước **16h ngày 25 tháng 04 năm 2021** theo địa chỉ sau :

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3

Địa chỉ : 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điều 5. Lá phiếu bầu cử

5.1 Lá phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS được in sẵn họ tên các ứng cử viên, sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái, do Ban tổ chức phát hành và được đóng dấu treo của Công ty.

5.2 Trên phiếu có in: Tên cổ đông; Số cổ phần sở hữu/đại diện; Tổng số phiếu bầu. Cổ đông/ đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại tên và số cổ phần có

quyền biểu quyết ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức.

5.3 Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông sẽ được phát 01 (Một) phiếu bầu thành viên HĐQT và 01 (Một) phiếu bầu thành viên BKS .

Điều 6. Phương pháp bầu cử

6.1 Nguyên tắc bầu cử :

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; đảm bảo dân chủ, công bằng.

- Bầu cử trực tiếp theo hình thức bỏ phiếu kín.

6.2 Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành, việc bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

6.3 Tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông được tính như sau

- Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT/thành viên BKS: là số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông nhân với số thành viên HĐQT/thành viên BKS được bầu.

- Số lượng thành viên HĐQT bổ sung nhiệm kỳ 2020-2025 cần bầu: 01 thành viên

- Số lượng thành viên BKS bổ sung nhiệm kỳ 2020-2025 cần bầu: 01 thành viên

6.4 Phương thức bầu cử

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền:

+ Dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình cho một ứng viên;

+ Phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông phải đảm bảo tổng số phiếu bầu trên mỗi lá phiếu bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS cộng lại không được vượt quá Tổng số phiếu bầu của cổ đông như đã hướng dẫn tại phần 6.3 của Quy chế này.

Ví dụ cụ thể:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ quy định là gồm 05 thành viên.

Một cổ đông đang sở hữu 1.000 cổ phần. Khi tham gia bầu cử thì số phiếu bầu sẽ là: 1.000 cổ phần x 05 người = 5.000 phiếu bầu cử

Khi bầu dồn phiếu cho các ứng cử viên, cổ đông có quyền:

+ Trường hợp 1: Dồn hết 5.000 phiếu này cho một ứng cử viên hoặc:

+ Trường hợp 2: Có thể chia đều cho 05 người dự kiến sẽ bầu vào HĐQT, như vậy mỗi ứng cử viên sẽ được bầu 1.000 phiếu hoặc:

+ Trường hợp 3: Có thể chia số phiếu bầu cho 04 người dự kiến bầu vào HĐQT, như vậy mỗi ứng cử viên sẽ được bầu 1.250 phiếu

Cổ đông không bầu cho người nào thì điền số “0” hoặc gạch chéo ô số phiếu bầu của người đó.

** Cổ đông phải đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên HĐQT là 5.000 phiếu.*

** Thực hiện tương tự đối với thành viên Ban kiểm soát.*

Điều 7. Cách ghi phiếu bầu :

- Khi đồng ý bầu cho ứng viên, cử đồng/ đại diện ủy quyền của cử đồng viết số phiếu muốn bầu vào cột “ Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng viên, cử đồng/ đại diện ủy quyền của cử đồng điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “ Số phiếu bầu” .

Điều 8. Quy định về phiếu bầu không hợp lệ

Các phiếu bầu không hợp lệ là phiếu:

- Có tổng cộng số phiếu bầu cử vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu cử của cử đồng;
- Phiếu không bầu cho bất kỳ ai trong danh sách ứng cử viên;
- Phiếu xóa toàn bộ tên ứng cử viên;
- Phiếu có thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cử đồng thông qua
- Phiếu không có dấu treo hoặc không phải do mẫu của Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 phát hành.
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới)

Điều 9. Điều kiện trúng cử

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS trúng cử sẽ được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho tới khi đủ số thành viên cần bầu.
- Nếu có hai hay nhiều ứng cử viên có cùng số phiếu bầu thì tiến hành bầu lần hai đối với những ứng viên này. Nếu bầu lần 2 vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu nữa hay không sẽ do Đại hội cử đồng quyết định.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cử đồng;
- Đảm bảo tính trung thực và bí mật của việc kiểm phiếu; Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.
- Sau khi kiểm phiếu xong, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước toàn Đại hội, đồng thời niêm phong các phiếu bầu. Biên bản và toàn bộ phiếu bầu phải được niêm phong và giao lại cho Đoàn chủ tịch.

Điều 11. Công bố kết quả trúng cử

- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được công bố ngay tại Đại hội.
- Kết quả trúng cử được ghi nhận vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cử đồng.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này được đọc trước Đại hội đồng cử đồng và lấy ý kiến biểu quyết của các cử đồng dự họp trước khi tiến hành bầu cử.
- Nếu được Đại hội đồng cử đồng thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết

của các cổ đông /đại diện theo ủy quyền cổ đông dự họp thì Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành ngay và hết hiệu lực khi được thay thế vào các kỳ Đại hội khác.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN KHÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3
NHIỆM KỲ 2020-2025**

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

Tổ chức chúng tôi là cổ đông của Công ty CP Dược Trung ương 3 có tên dưới đây:

Tên cổ đông: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

CMND/ĐKKD số: 0100109385 Ngày cấp: 08/12/2016 Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội

Người đại diện pháp luật: Ông Lê Văn Sơn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Hiện đang sở hữu: 1.137.500 cổ phần (*Bằng chữ: Một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm cổ phần*)

nhất trí đề cử:

Ông: **NGUYỄN THẾ NAM**

CMTND/ĐKKD số: 201733638 Cấp ngày 12/06/2013 Nơi cấp: Công an TP. Đà Nẵng.

Địa chỉ: 16 Đỗ Thúc Tịnh – P. Khuê Trung – Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Kế toán

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (*Bằng chữ: Không cổ phần*)

Là ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty CP Dược Trung ương 3 nhiệm kỳ năm 2020 – 2025 được bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 06/05/2021.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày ...22.... tháng ...4.... năm 2021

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Văn Sơn

Ghi chú:

Đơn đề cử kèm theo Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên phải được gửi đến Ban tổ chức ĐHĐCĐ trước 16h00 ngày 25/04/2020 về: Công ty CP Dược Trung ương 3

Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0236.3830202 – 0236.3816687

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị/ Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3)

- Họ và tên: **NGUYỄN THẾ NAM**
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh: 10/10/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201733638 ngày cấp: 12/06/2013, nơi cấp: Công An Thành Phố Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 16 Đỗ Thúc Tịnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0905300804
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Bằng cử nhân Cao Đẳng	Kế toán	2007	Tháng 9/2004 đến tháng 8/2007	Trường Cao đẳng kinh tế kế hoạch Đà Nẵng
Bằng cử nhân kinh tế	Kế toán	2016	Tháng 05/2014 đến tháng 04/2016	Trường Đại Học Đông á

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 10/2007 đến tháng 10/2011	Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3	Kế toán viên
Tháng 11/2011 đến tháng 4/2012	Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3	Phó phòng Tổ chức - Hành Chính
Tháng 05/2012 đến tháng 12/2016	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Phó Quản đốc Nhà máy GMP
Tháng 01/2017 đến tháng 11/2017	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Quản đốc Nhà máy GMP
Tháng 12/2017 đến nay	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Phó phòng Nhân sự - Tổng hợp

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Ứng cử viên

Nguyễn Thế Nam

Kèm Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT(03/ĐC)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3
NHIỆM KỲ 2020-2025**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

Tôi/tổ chức chúng tôi là cổ đông của Công ty CP Dược Trung ương 3 có tên dưới đây:

Tên cổ đông: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

CMND/ĐKKD số: 0100109385 Ngày cấp: 08/12/2016 Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội

Người đại diện pháp luật: Ông Lê Văn Sơn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Hiện đang sở hữu: 1.137.500 cổ phần (*Bằng chữ: Một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm cổ phần*)

nhất trí đề cử:

Bà: **TRẦN THỊ MINH**

CMTND/ĐKKD số: 201339902 Ngày cấp: 01/04/2008 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng

Địa chỉ: 47D Hồ Biểu Chánh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Ngoại thương

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (*Bằng chữ: Không cổ phần*)

Là ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị Công ty CP Dược Trung ương 3 nhiệm kỳ năm 2020 – 2025 được bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 06/05/2021.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2021

**CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**


**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lê Văn Sơn**

Ghi chú:

Đơn đề cử kèm theo Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên phải được gửi đến Ban tổ chức ĐHĐCĐ trước 16h00 ngày 25/04/2020 về: Công ty CP Dược Trung ương 3

Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị/ Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3)

- Họ và tên: Trần thị Minh
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh: 02/02/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 201339902 ngày cấp: 01/04/2008 nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 47D Hồ Biểu Chánh, P Hòa cường Nam, Q Hải Châu TP Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0914075885
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Ngành Ngoại thương	2000	04 năm	Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh Đà Nẵng
Chứng chỉ	Kê toán trưởng	2002	03 tháng	Đại học kinh tế Quốc Dân
Chứng chỉ	Kiểm soát viên doanh nghiệp	2014	1 tháng	Công ty CP Đầu tư và đào tạo Doanh chủ

- Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-2010	Công ty Dược TW3	Nhân viên Phòng Kế toán
2011-2014	Công ty TNHH MTV Dược TW3	Kiểm soát viên
2015-2020	Công ty CP Dược TW3	Trưởng ban kiểm soát, Trưởng phòng Nhân sự

- Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác
Bố	Trần Hòa	1926	K60/2 Lê Đình Dương, Q Hải Châu TPĐN	Tự doanh	
Mẹ	Võ Thị Huỳnh	1941	K60/2 Lê Đình Dương	Nội trợ	

Chồng	Nguyễn Bình	1976	47D Hồ Biểu Chánh P hòa Cường Nam Q Hải Châu TPĐN	Kỹ sư xây dựng	Công ty tự doanh
Con	Nguyễn Minh Thục	2005	47D Hồ Biểu Chánh P hòa Cường Nam Q Hải Châu TPĐN	Học sinh	
	Nguyễn Minh Khang	2012	47D Hồ Biểu Chánh P hòa Cường Nam Q Hải Châu TPĐN	Học sinh	
Anh	Trần Văn Liễu	1960	50 Lê Đình Dương ĐN	Thợ mộc	
	Trần Văn Ân	1963	60/4 Lê Đình Dương ĐN	Thợ mộc	
	Trần Văn Hàng	1968	12/A14 Phan Huy Ích P12, Quận Gò Vấp TPHCM	Ở nhà	
	Trần Văn Lâm	1970	K60/2 Lê Đình Dương ĐN	Lái xe	
Chị	Trần Thị Sanh	1972	56/9 Lê Đình Dương ĐN	Kế toán	Công ty Dacotex
Anh	Trần Văn Thanh	1973	8G5, DCT4 Tân Hưng thuận, Q12, TPHCM	Kỹ sư tin học	Công ty CP Dịch vụ dữ liệu CNTT Vi Na

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Hồ sơ đính kèm: (CMND, bằng cấp, ...)

1. Bản sao CMND
2. Bản sao Bằng cấp

Ứng cử viên



Trần Thị Sanh

Số : 02/ĐHĐCĐ 2021

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 05 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hôm nay, vào lúc 13h30 phút , ngày 05 tháng 06 năm 2021 tại Khách sạn Eden Plaza thành phố Đà Nẵng, Ban Kiểm phiếu gồm các ông , bà có tên sau :

1. Bà Trương Minh Nguyệt - Trưởng ban
2. Ông Phạm Đình Nhật Huy - Thành viên
3. Bà Võ Lý Hồng Hân – Thành viên

Đã tiến hành biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

1. Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch

Thành phần Đoàn chủ tịch, bao gồm :

- Ông Nguyễn Văn Khải – Chủ tọa
- Ông Trương Thoại Nhân
- Ông Trần Anh Tuấn

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100% (tỉ lệ qui định từ 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết thông qua 100% thành phần Đoàn chủ tọa gồm các ông bà có tên trên.

2. Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu

Thành phần Ban Kiểm phiếu , bao gồm:

- Bà Trương Minh Nguyệt – Trưởng ban
- Bà Võ Lý Hồng Hân
- Ông Phạm Đình Nhật Huy

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100% (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).

- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết thông qua 100% thành phần ban kiểm phiếu gồm các ông bà có tên trên.

3. Thông qua chương trình nghị sự

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết thông qua 100% chương trình nghị sự .

4. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

5. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 65% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty.

6. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100% (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100% (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

8. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

9. Báo cáo hoạt động quản trị của HĐQT năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Báo cáo hoạt động quản trị của HĐQT năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021.

10. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành.

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở

lên).

- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành.

11. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

12. Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100 % thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

13. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 & Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 100 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 100 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 & Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021.

14. Tờ trình Báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, Thư ký Công ty năm 2020 & Kế hoạch chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, Thư ký Công ty năm 2021

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Báo cáo chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, thư ký công ty năm 2020 & Kế hoạch chi trả thù lao, lương HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, thư ký công ty năm 2021.

15. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

16. Thông qua tờ trình miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Vũ Tam Khôi và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Vũ Tam Khôi và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT.

17. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Trần Thị Minh và bầu bổ sung 01 thành viên BKS

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Trần Thị Minh và bầu bổ sung 01 thành viên BKS.

18. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

19. Thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020- 2025 gồm các ông bà có tên sau :

- Bà Trần Thị Minh (Tổng công ty Dược Việt Nam đề cử)

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020- 2025 gồm ông bà có tên trên.

20. Thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020- 2025 gồm ông bà có tên sau :

- Ông Nguyễn Thế Nam (Tổng công ty Dược Việt Nam đề cử)

Kết quả biểu quyết :

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành : 1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).

- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020- 2025 gồm ông bà có tên trên.

21. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Tổng số phiếu thu về là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Số phiếu hợp lệ là :26 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ là :0 phiếu

Bà Trần Thị Minh đạt 1.578.770 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 100%

Kết luận: Bà Trần Thị Minh đã trúng cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025.

22. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Tổng số phiếu thu về là: 26 phiếu, tương ứng với 1.578.770 cổ phần
- Số phiếu hợp lệ là : 26 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ là :0 phiếu

Ông Nguyễn Thế Nam đạt 1.578.770 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 100%

Kết luận: Ông Nguyễn Thế Nam đã trúng cử chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

23. Thông qua Nghị quyết Đại hội

Kết quả biểu quyết :


- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết : 1.578.770 CP , trong đó.
- Số phiếu tán thành :1.578.770 CP, chiếm tỉ lệ 100 % (tỉ lệ qui định từ 51% trở lên).
- Số phiếu không tán thành: 0 CP, chiếm tỉ lệ 0 %
- Số phiếu không có ý kiến : 0CP, chiếm tỉ lệ 0 %

Kết luận : Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Nghị Quyết Đại hội

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được lập xong lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày và đã thông qua trước Đại hội

Đại hội nhất trí 100%, không có ý kiến khác.

TM BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN


Trần Thị Nguyệt

TM BAN KIỂM PHIẾU